

## LUẬN THẬP TRỤ TỶ BÀ SA QUYỂN 2

### *Phẩm 3: TƯỚNG ĐỊA*

Hỏi: Đã đạt được địa thứ nhất, Bồ-tát có tướng mạo như thế nào?

Đáp:

*Bồ tát đạt được địa thứ nhất,  
Tự có nhiều năng lực chịu đựng,  
Không thích xảy ra sự tranh cãi,  
Tâm tư chan chứa những niềm vui,  
Luôn luôn vui với lòng thanh tịnh,  
Tâm xót thương nghĩ đến chúng sinh,  
Không còn có tâm ý nóng giận,  
Phần nhiều thực hành bảy điều này.*

Nếu Bồ tát đạt được địa thứ nhất thì có bảy tướng này. Có năng lực chịu đựng là có thể làm được việc khó làm, tu tập vô lượng phước đức thiện căn, ở trong vô lượng hằng hà sa kiếp qua lại chốn sinh tử, giáo hóa chúng sinh có tâm cố chấp ngang ngược khó thay đổi, nhưng tâm không hề lui sụt mà có năng lực chịu đựng những sự việc như vậy, cho nên gọi là kham nhẫn. Không tranh cãi là tuy có năng lực hoàn thành việc lớn mà không tranh cãi với người khác, không làm trái ngược với nhau. Hỷ là luôn luôn làm cho thân được dịu dàng, tâm được an ổn. Duyệt là ở trong pháp chuyển đổi cao hơn thì tâm được vui mừng phấn khởi. Thanh tịnh là xa lìa mọi sự cấu trược của phiền não. Có người nói: Tin hiểu gọi là thanh tịnh. Có người nói: Niềm tin kiên cố gọi là thanh tịnh. Tâm thanh tịnh này đối với Phật-Pháp-Tăng, đối với Khổ-Tập-Diệt-Đạo đế, đối với sáu độ Ba-la-mật, đối với mười địa Bồ tát, đối với pháp Không-Vô tướng-Vô tác, luôn luôn tin hiểu sâu sắc. Nói tóm lại là đối với tất cả các kinh sâu xa, các bậc Bồ tát và tất cả Phật pháp mà họ

thực hành, tất cả đều là tâm tin tưởng thanh tịnh. Bi là thương xót cứu giúp cho chúng sinh, tâm Bi này dần tăng trưởng mà thành Đại Bi. Có người nói: Ở trong tâm Bồ tát gọi là Bi, Bi dẫn đến mọi chúng sinh gọi là Đại Bi. Đại Bi phát sinh từ mười nhân duyên, như trong Địa thứ ba giải thích rộng hơn. Không còn nóng giận, là Bồ tát vào lúc này kiết sử chưa đoạn, cho nên thực hành nhiều điều thiện làm cho tâm giảm bớt sự sân hận. Như vậy Bồ tát đang ở địa thứ nhất, tâm không sợ hãi lùi bước, cho nên gọi là có năng lực chịu đựng mọi điều. Vui với sự vắng lặng, cho nên gọi là không thích tranh cãi. Có được tâm Đại Bi thuận với đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho nên gọi là tâm chan chứa niềm vui. Xa lìa những phiền não cấu trước, cho nên đối với Phật-pháp-tăng thì tâm của các Bồ tát luôn luôn thanh tịnh. Tâm an ổn không có gì lo sợ, cho nên gọi là tâm vui sướng. Rất thương xót mọi chúng sinh, cho nên gọi là Bi. Tâm thường vui với hạnh Từ, cho nên gọi là không sân giận. Đây gọi là tướng mạo của Bồ tát ở địa thứ nhất.

Hỏi: Vì sao không nói Bồ tát ở trong địa thứ nhất có bảy điều này mà nói là nhiều?

Đáp: Bởi vì Bồ tát này chưa hết phiền não, có lúc uể oải bê trễ, ở trong bảy điều này có lúc tạm thời phế bỏ lui sụt, bởi vì nhiều công hạnh như vậy cho nên nói là nhiều. Ở trong địa thứ nhất đã đạt được pháp này, trong các địa sau chuyển tiếp theo nhau tăng thêm nhiều hơn.

Hỏi: Thứ nhất là địa Hoan Hỷ, Bồ tát ở trong địa này gọi là nhiều hoan hỷ, vì đạt được các công đức cho nên hoan hỷ, hay là vì pháp của địa thuận theo hoan hỷ, vì điều gì mà hoan hỷ?

*Tâm luôn luôn nghĩ đến Chư Phật,  
Và pháp cao cả của Chư Phật,  
Công hạnh Tất định thật hiếm có,  
Cho nên tâm chan chứa hoan hỷ.*

Vốn có những nhân duyên hoan hỷ như vậy, cho nên tâm Bồ tát ở trong địa thứ nhất có nhiều hoan hỷ. Nghĩ đến Chư Phật, là nghĩ đến Chư Phật quá khứ như Phật Nhiên Đăng, Chư Phật hiện tại như Chư Phật A-di-đà, Chư Phật tương lai như Phật Di lặc. Tâm thường nghĩ nhớ Chư Phật Thế tôn như vậy, giống như hiện ở trước mắt. Chư Phật là bậc Vô Năng Thắng đứng đầu ba cõi, cho nên tâm cảm nhiều hoan hỷ.

Nghĩ đến pháp cao cả của Chư Phật, nói tóm lược là bốn mươi pháp bất cộng của Chư Phật. Đó là:

1. Tự tại tùy ý phi hành.

2. Tự tại biến hóa vô biên.
3. Tự tại nghe thấy vô ngại.
4. Tự tại dùng vô lượng chủng loại pháp môn biết tâm của tất cả chúng sinh.

Những pháp như vậy phần sau sẽ nói rộng hơn. Nghĩ đến các Bồ tát ở phần vị Tất định, là nếu như Bồ tát được thọ ký quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì tiến vào phần vị của pháp đạt được vô sinh pháp nhẫn, ngàn vạn ức số ma quân không thể nào làm cho rối loạn hư hoại được, đạt được tâm đại bi thành tựu pháp của bậc Đại nhân, chịu khó thực hành tinh tiến không tiếc thân mạng để đạt được Bồ đề. Đây gọi là nghĩ đến phần vị tất định của Bồ tát. Nghĩ đến công hạnh thật hiếm có, là nghĩ đến công hạnh hiếm có vào bậc nhất của Bồ tát ở phần vị Tất định khiến cho tâm hoan hỷ, tất cả phàm phu vốn không có năng lực đến được, tất cả Thanh văn và Bích-chi-Phật vốn không có năng lực thực hành, khai mở rõ ràng Phật pháp giải thoát vô ngại cùng với trí Tát-bà-nhã. Lại nghĩ đến các pháp đã thực hành của mười địa, gọi là tâm cảm nhiều hoan hỷ. Vì vậy Bồ tát được tiến vào địa thứ nhất gọi là Hoan hỷ.

Hỏi: Có người phàm phu chưa phát tâm đối với đạo vô thượng, hoặc có phát tâm nhưng chưa đạt được phần vị của địa Hoan Hỷ, người này nghĩ đến Chư Phật và đại pháp của Chư Phật, nghĩ đến phần vị Tất định của Bồ tát và công hạnh hiếm có cũng được hoan hỷ, Bồ tát hoan hỷ đạt được địa thứ nhất, cùng với sự hoan hỷ của người này có gì khác biệt?

Đáp:

*Bồ tát đạt được địa thứ nhất,  
Tâm tư chan chứa niềm hoan hỷ,  
Chư Phật có vô lượng công đức,  
Con cũng nhất định sẽ có được.*

Bồ tát đạt được phần vị Tất định thuộc địa thứ nhất, nghĩ đến Chư Phật có vô lượng công đức, mình sẽ chắc chắn đạt được sự việc như vậy. Tại vì sao? Bởi vì mình đã đạt được địa thứ nhất này và tiến vào trong phần vị Tất định, người khác không có tâm này, vì vậy Bồ tát ở địa thứ nhất phát sinh nhiều hoan hỷ. Người khác không có như vậy. Tại vì sao? Bởi vì người khác suy nghĩ đến Chư Phật, nhưng không có thể dấy lên ý nghĩ này: Mình nhất định sẽ làm Phật. Ví như con của Chuyển luân Thánh vương thì sinh trong nhà của Chuyển luân Thánh vương, thành tựu tướng mạo của Chuyển luân Thánh vương, nghĩ đến công

đức tôn quý của Chuyển luân Thánh vương ở quá khứ, dấy lên nghĩ rằng: Nay mình cũng có tướng mạo này, cũng sẽ được giàu có tôn quý như vậy. Tâm tư vô cùng hoan hỷ phát sinh. Nếu không có tướng mạo của Chuyển luân Thánh vương thì không có niềm vui như vậy. Bồ tát ở phần vị Tất định nếu nghĩ đến Chư Phật và công đức oai nghi tôn quý vĩ đại của Chư Phật, mình có tướng mạo này thì chắc chắn sẽ làm Phật, ngay lúc ấy vô cùng hoan hỷ, người khác thì không có được sự việc này. Định tâm là tâm tiến vào trong Phật pháp không thể nào lay động. Vả lại, Bồ tát ở địa thứ nhất lúc nghĩ đến Chư Phật, dấy lên tư duy như vậy: Mình cũng không bao lâu nữa sẽ làm lợi ích cho mọi người ở thế gian; và nghĩ đến Phật pháp, thì mình cũng sẽ có được thân tướng trang nghiêm tốt đẹp, thành tựu pháp bất cộng của Chư Phật, tùy thuận các loại thiện căn và tâm lực lớn nhỏ của các chúng sinh mà thuyết pháp cho họ. Còn mình đã đạt được mùi vị của pháp thiện, không bao lâu sẽ giống như Bồ tát ở phần vị Tất định đi lại bằng các loại thần thông. Lại nghĩ đến đạo đã thực hành của Bồ tát ở phần vị Tất định, tất cả thế gian vốn không thể nào tin được, mình cũng sẽ thực hành. Nghĩ như vậy rồi thì tâm tràn đầy hoan hỷ. Người khác không có như vậy, tại vì sao? Bởi vì Bồ tát này tiến vào địa thứ nhất, tâm họ quyết định và nguyện không thay đổi mà chỉ cầu mong những gì đáng cầu mong. Ví như việc làm của Hương Tượng thì chỉ có Hương Tượng có năng lực thực hiện loài thú khác nhau có thể làm được. Vì vậy điều ông đã nói, thì sự việc không phải như vậy. Vả lại, Bồ tát đạt được địa thứ nhất thì không còn mọi điều sợ hãi, cho nên tâm nhiều hoan hỷ.

Nếu người sợ hãi thì tâm không thể vui mừng được.

Hỏi: Bồ-tát không sợ những gì?

Đáp:

*Không có nỗi sợ hãi không sống  
Không sợ chết-không sợ đường ác,  
Không sợ uy đức của Đại chúng,  
Không sợ tiếng xấu và chê bai,  
Không sợ giam cầm và gông xiềng,  
Không sợ tra khảo và tử hình,  
Bởi vì vô Ngã và Ngã sở,  
Nào có những nỗi sợ hãi này.*

Hỏi: Vì sao Bồ tát trú trong địa thứ nhất thì không có nỗi sợ hãi không sống?

Đáp: Bởi vì Bồ-tát có oai đức lớn, Bồ-tát có năng lực chịu đựng,

Bồ-tát có trí tuệ lớn, biết ngừng lại và vừa đủ, Bồ-tát dấy lên nghĩ như vậy: “Ta đã tu tập nhiều phước đức, người có phước thì y phục, thức ăn đồ uống, những vật cần dùng tự nhiên liền đến. Như thuở xưa vào kiếp ban đầu, ai là bậc đại nhân thì được quần thần quân dân tôn lên làm vua. Nếu người nào phước đức mỏng thì dù được sinh vào chốn vương gia nhưng vẫn phải tự nuôi sống bằng sức mình, áo cơm còn không đầy đủ, huống là lo chuyện đất nước? Bồ-tát lại nghĩ như vậy: Mình tu tập nhiều phước đức, như kiếp ban đầu, vua tự nhiên lên ngôi, mình cũng sẽ như vậy, cũng sẽ làm được chuyện như vậy, không nên có nỗi sợ không sống nổi. Lại nữa, tuy người phước mỏng nhưng có sức chịu đựng, siêng tu phương tiện thì có thể có đủ áo cơm. Như kinh nói: Nhờ có ba nhân duyên mà được tiền của:

1. Hiện tại tự mình làm phương tiện cho đời này.
2. Sức người khác làm giúp cho.
3. Nhân duyên do phước đức.

Mình có năng lực có thể chịu được sự việc khó thành tựu, bởi vì đời hiện tại cũng có phương tiện, cho nên không cần phải sinh lòng sợ hãi không sống được. Người có trí ít tìm phương tiện mà có thể tự sống được, có thể cần Phật đạo. Phần trí tuệ ấy nay mình đã có, trí tuệ nhanh nhạy này thì có thể tự sống được, không nên có tâm lý sợ hãi không sống được. Lại nữa, Bồ-tát dấy lên nghĩ như vậy: Mình có thể gian thế gian có những điều lợi-hại-khen-chê-tốt-xấu-vui-khổ, tám sự việc như vậy làm sao có thể không có, vì vậy không nên vì không đạt được mà sinh lòng sợ hãi không sống nổi. Lại nữa, Bồ-tát này vì biết vừa cho nên thuận theo mọi thứ tốt-xấu-ngon-dở có được mà yên ổn, không cần phải sinh lòng sợ hãi không sống nổi. Nếu người không biết vừa đủ, thì cho dù có được tiền của tràn đầy cả thế gian mà ý vẫn còn không thỏa mãn.

Như nói:

*Như có người nghèo hèn khốn khổ,  
Chỉ cầu mong có đủ cơm áo,  
Khi đã có được cơm áo rồi,  
Lại cầu mong tốt đẹp hơn nữa.  
Đã có được mọi thứ tốt đẹp,  
Lại cầu mong đến với tôn quý,  
Khi đã có được tôn quý rồi,  
Cầu làm vua tất cả mọi nơi.  
Giả sử được làm vua mọi nơi,*

*Lại cầu mong làm vua cõi trời  
Người thế gian tham lam ham muốn,  
Không thể vì tiền bạc chất đầy.*

Nếu ai biết đủ, dù là được ít của, thì đời này, đời sau vẫn có thể thành tựu được những ích lợi cho họ. Ở địa này Bồ-tát ưa bố thí, nhờ có đủ trí tuệ, cho nên hầu hết đều có thể phát sinh căn thiện và không tham lam. Nếu không ưa bố thí mà lại ham làm điều ác, vì động lực của tham lam-bỏn sẻn-ngu si, thì căn bất thiện càng gia tăng với bỏn sẻn, tham lam. Cách sống không biết đủ là thuộc về tham lam-bỏn sẻn. Vì vậy, Bồ-tát hầu hết đều phát tâm nuôi căn thiện, buông bỏ lòng tham lam. Vì vậy mà biết đủ, vì biết đủ cho nên không lo là không sống nổi.

Lại nữa, không sợ chết là vì biết làm nhiều phước đức, biết nghĩ nhiều về cái chết, biết chắc không tránh khỏi nó, biết cái chết đã có từ vô thủy qua các cõi mà ai cũng thọ nhận, dù tu tập nhiều cũng không tránh khỏi. Cho nên Bồ-tát nghĩ như vậy: Nếu ai không tu phước đức thì lo sợ cái chết, từ lo sợ mà kiếp sau rơi vào đường ác, còn mình thì gom góp phước đức nên khi chết liền sinh vào nơi tốt đẹp nhất, vì vậy không sợ chết.

Như nói:

*Chờ đợi cái chết như khách quý,  
Ra đi giống như đến hội lớn,  
Bởi vì tích tập nhiều phước đức,  
Lúc xả mạng cũng không còn sợ hãi.*

Bồ-tát còn nghĩ như vậy: Cái chết còn tùy nơi thọ thân, chẳng phải chờ cho tâm diệt mới là chết. Nếu như tâm diệt là chết, thì mình đã chết bao lần theo từng niệm từng niệm hủy diệt của tâm.

Nếu kẻ sợ chết thì sợ theo từng niệm từng niệm hủy diệt của tâm, chứ không phải sợ tâm hủy diệt cuối cùng, mà cũng còn sợ tâm niệm trước bị hủy diệt. Vì sao? Vì tâm hủy diệt thì trước hay sau không hề khác nhau. Nếu lo sợ phải vào đường ác, lo sợ tâm hủy diệt sau cùng, thì người có phước đức sẽ không lo sợ đọa vào đường ác. Như đã nói ở trước: Mình sẽ nhận từng niệm hủy diệt và đối với từng niệm hủy diệt sau cùng, không nên có sự lo sợ về cái chết.

Lại nữa, Bồ-tát dấy lên nghĩ: “Từ vô thủy mình đã qua lại mọi thế giới trong sinh tử, chịu đựng vô lượng vô biên A-tăng-kỳ mọi cách chết, không nơi nào trốn thoát cái chết. Đức Phật nói: “Sống chết không có chỗ khởi đầu, trong một kiếp sống, người ta đã chết, xương chất cao hơn núi Tuyết”. Những cái chết vậy không có lợi gì cho mình, không làm

lợi cho ai. Nay mình phát nguyện quay về đạo Vô thượng, là muốn làm lợi cho mình và cũng làm lợi cho người, chuyên cầu một lòng hành đạo để có lợi lớn, thì mình đâu còn sợ hãi cái chết”. Nghĩ được như vậy là Bồ-tát đã buông bỏ ý niệm sợ chết.

Lại nữa, Bồ tát dấy lên nghĩ như vậy: Nay cái chết này nhất định phải nhận lấy, không có ai tránh khỏi. Tại vì sao? Bởi vì các Đại vương ở kiếp đầu tiên như Đảnh sinh, Hỷ kiến, Chiếu Minh Vương đều có thân trang nghiêm với ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân, bảy báu đi theo, trời người đều kính mến, làm vua bốn thế giới, thường thực hành mười thiện đạo, nhưng các bậc Đại vương này đều quay về với cái chết. Lại có những Chuyển luân vương nhỏ như Xà-đề-la, tự dùng uy lực của vua cõi Diêm-phù-đề, sắc thân đoan chánh giống như người cõi trời, đối với sắc-thanh-hương-vị-xúc tự nhiên tùy ý không thiếu thứ gì, mọi nơi đều quy phục không có nơi nào chống đối, lại có sở trường về thuật bắn cung. Nhưng các vị vua này cùng với hàng vua chúa cai quản thiên hạ, cho đến nhân dân và quyến thuộc của họ đều không tránh khỏi cái chết. Lại như các bậc Tiên Thánh là Ca-diếp, Kiều-cù-ma... thực hành các hạnh khổ hạnh, đạt được năm thần thông, làm ra những kinh sách, đều không tránh khỏi cái chết. Lại như vậy Phật, Bích-chi-Phật, A-la-hán, tâm được tự tại, xa lìa cấu nhiễm, đạt được đạo quả, đều bị cái chết làm cho hủy diệt, tất cả chúng sinh không ai có năng lực vượt qua, mình phát tâm với đạo Vô thượng thì không nên sợ chết. Lại vì phá tan nỗi sợ cái chết, cho nên phát tâm tinh tiến tự loại trừ nỗi sợ cái chết, cũng loại trừ giúp cho người khác. Vì vậy phát tâm hành đạo, tại sao đối với cái chết mà sinh lòng kinh sợ? Bồ tát tư duy về vô thường như vậy, lập tức loại trừ nỗi sợ hãi cái chết. Và lại, Bồ tát thường tu tập về pháp không, cho nên không cần phải sợ cái chết. Như nói:

*Người lìa cái chết thì không chết,  
Lìa cái chết thì người không chết,  
Vì cái chết thì người có chết,  
Người vì cái chết thì có chết.  
Chết có sẵn thì thành cái chết,  
Cái chết trước lúc chửa thành tợ,  
Không hề có tướng trạng quyết định,  
Người không chết thì không thành tợ.  
Lìa cái chết thì có cái chết,  
Cái chết phải tự nhiên thành tợ,  
Nhưng thật sự lìa khỏi cái chết,*

*Không có cái chết nào thành tựu.  
Mà thế gian phân biệt chấp trước,  
Cái chết này là vì người chết,  
Không biết cái chết thường đi-đến,  
Vì vậy cuối cùng không tránh khỏi.  
Từ những loại nhân duyên như vậy,  
Quán sát tướng trạng của các pháp,  
Tâm tư không có gì kỳ lạ,  
Cuối cùng không sợ gì cái chết.*

Không sợ rơi vào đường ác, là do Bồ-tát thường tu phước đức cho nên không sợ rơi vào đường ác.

Bồ-tát dấy lên nghĩ: Người có tội thì đọa vào đường ác, chẳng phải là người có phước đức. Còn mình dù một ý niệm, cũng không cho điều ác xâm nhập, mà đối với, thân-miệng-ý luôn khởi nghiệp thanh tịnh, cho nên mình được thành tựu vô lượng vô biên công đức. Công đức tích tụ to lớn như vậy, thì làm sao sợ rơi vào đường dữ?

Lại nữa, Bồ tát vừa phát tâm là làm lợi ích yên vui cho tất cả chúng sinh, do đại Từ Bi mà che chở trú trong xứ sở của bốn công đức, có được vô lượng công đức, vượt qua tất cả đường ác. Tại vì sao? Bởi vì tâm này hơn hẳn tất cả Thanh văn và Bích-chi-Phật. Như trong kinh Tịnh Tỳ-ni: “Ca Diếp thưa với Đức Phật rằng: Thật là hiếm có, thưa đức Thế tôn! Ngài khéo nói về hàng Bồ tát dùng nhiều tâm Tát-bà-nhã mà có năng lực hơn hẳn tất cả Thanh văn và Bích-chi-Phật”.

Mình thành tựu công đức to lớn như vậy, trú trong giáo pháp vĩ đại như vậy, tại sao phải sợ rơi vào đường ác? Lại dấy lên nghĩ như vậy: Mình từ vô thủy đến nay, qua lại trong sinh tử, rơi vào các đường ác nhận chịu vô lượng khổ đau, không làm lợi ích cho mình, cũng không lợi ích cho người, nay mình phát Đại nguyện vô thượng, vì muốn tự lợi ích cho mình và cũng vì lợi ích cho người, trước đây rơi vào đường ác không hề có lợi ích gì, nay vì lợi ích cho chúng sinh, giả sử rơi vào đường ác thì cũng không nên sinh lòng sợ hãi. Vả lại thực hành hạnh Bồ tát phát tâm như vậy, cho dù mình vào địa ngục A-tỳ nhận chịu đau khổ một kiếp rồi sau đó được thoát ra, có thể làm cho một người phát sinh một tâm thiện, tích tập vô lượng tâm thiện như vậy, vó thể đảm nhận giáo hóa khiến phát tâm đối với Tam thừa. Giáo hóa hàng hà sa chúng sinh thuộc Thanh văn Thừa như vậy, cũng giáo hóa hàng hà sa chúng sinh thuộc Bích-chi-Phật thừa, hàng hà sa chúng sinh phát tâm đại thừa, sau đó mình sẽ có được tâm đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hãy



còn không nên lui sụt, huống là nay mình tu tập vô lượng vô biên công đức, xa lìa đường ác ư? Bồ tát tư duy như vậy, sao có thể phát sinh nỗi sợ đường ác? Lại nữa, như trong kinh Khiếu Hoán Địa Ngục nói: Bồ tát trả lời ma rằng:

*Ta vốn dùng công hạnh bố thí,  
Vào ở trong địa ngục kêu la,  
Những người đã nhận Ta bố thí,  
Đều được sinh lên ở cõi trời.  
Nếu người hãy còn cần phải,  
Luôn luôn thực hành hạnh bố thí,  
Chúng sinh yên vui ở cõi trời,  
Ta chịu khổ địa ngục kêu la.*

Bồ tát dùng các loại nhân duyên như vậy, có năng lực ngăn chặn nỗi sợ đường ác.

Không có nỗi sợ hãi vì đại chúng, bởi vì thành tựu Văn tuệ-Tư tuệ và Tu tuệ, lại còn có xa rời luận thuyết sai lầm, Bồ tát này kiến lập lời nói chính đáng, mà diễn đạt không có gì sai lạc, luôn luôn dùng nhân duyên-thí dụ kết lại thành câu không nhiều không ít và không có gì nghi hoặc lời nói không có gì trái nghĩa, không hề có dua nịnh lừa dối, đầy đủ các loại trang nghiêm chất trực nhu hòa, nghĩa lý theo thứ tự dễ hiểu nắm giữ, luôn luôn biểu hiện sự việc của mình có năng lực phá tan luận thuyết khác, lia bỏ bốn nhân tố tà vạy, có đủ bốn nhân tố Đại thừa. Những loại ngôn từ trang nghiêm như vậy. Diễn thuyết giữa Đại chúng không có gì sợ hãi. Không sợ tiếng xấu và không sợ bị mắng chửi, bởi vì không tham lợi dưỡng, thân-miêng-ý luôn thực hành thanh tịnh. Không có nỗi sợ hãi vì giam cầm-gông cùm-tra khảo tàn nhẫn, bởi vì không có tội lỗi gì, mà yêu thương tất cả chúng sinh, nhận chịu tất cả mọi sự khổ não, căn cứ vào quả báo của nghiệp mà tiếp nhận, trước kia mình tự gây ra thì nay trở lại nhận lấy báo ứng. Bồ tát này dùng những nhân duyên như vậy, cho nên không có những nỗi sợ hãi không sống được. Lại còn thích quán xét tất cả các pháp là vô ngã, cho nên không có tất cả mọi nỗi sợ hãi, tất cả mọi nỗi sợ hãi đều từ ngã chấp mà sinh ra, ngã chấp đều là tướng căn bản của những sự suy sụp buồn lo khổ sở. Bồ tát này vốn có trí tuệ sắc bén, đúng như thật tiến sâu vào Thật tướng của các pháp vốn là không có Ngã, Ngã không có thì từ đâu mà có sợ hãi?

Hỏi:

Bồ tát này tại sao không có tâm chấp ngã?

Đáp: Bởi vì vui với pháp không, cho nên Bồ tát quán xét thân xa  
lìa Ngã và Ngã sở. Như nói:

*Tâm ngã làm nhân cho ngã sở,  
Ngã sở nhờ vào ngã sinh ra,  
Vì vậy cho nên ngã-ngã sở,  
Tánh của hai loại đều là không.  
Ngã thì có nghĩa là ông chủ,  
Ngã sở là vật của ông chủ,  
Nếu như không còn có ông chủ,  
Thì vật của chủ cũng không có,  
Nếu không có vật của ông chủ  
Thì cũng không còn có ông chủ.  
Ngã chính là kiến chấp về ngã,  
Kiến chấp vật của ngã-ngã sở,  
Quán xét thật vốn không có ngã,  
Ngã không có cũng không vô ngã,  
Bởi vì thọ mà có người thọ,  
Không có thọ thì không người thọ  
Xa lìa người thọ không còn thọ,  
Nhờ vào đâu mà thọ thành tựu?  
Nếu như người thọ thành tựu thọ,  
Thì thọ là không thể thành tựu,  
Bởi vì thọ không thể thành tựu,  
Không thể nào thành tựu người thọ,  
Bởi vì người thọ vốn là không,  
Không thể nào nói đó là Ngã,  
Bởi vì thọ đều vốn là không,  
Không có thể nói là Ngã sở,  
Vì vậy Ngã chẳng phải là Ngã,  
Cũng là Ngã-cũng chẳng phải vô Ngã,  
Chẳng phải Ngã, chẳng phải là Vô Ngã  
Tất cả đều trở thành tà luận.  
Ngã sở chẳng phải là Ngã sở,  
Cũng là Ngã chẳng phải Ngã sở,  
Chẳng phải Ngã-chẳng phải Ngã sở,  
Đây cũng trở thành những tà luận.*

Bồ tát thường vui với sự tu tập về không-Vô ngã như vậy, cho nên  
xa rời mọi nỗi sợ hãi. Vì sao như vậy? Bởi vì pháp Không-vô ngã luôn

luôn xa rời những sự sợ hãi, vì vậy Bồ tát ở trong địa Hoan Hỷ, có những tướng mạo như vậy.

-----  
**Phẩm 4: TỊNH ĐỊA**

Hỏi: Đã vào địa thứ nhất, Bồ-tát tu tập như thế nào?

Đáp:

*Sức mạnh niềm tin càng tăng lên,  
 Thực hành tâm Đại bi sâu sắc,  
 Thương xót đối với mọi chúng sinh,  
 Tu dưỡng tâm thiện không mệt mỏi,  
 Vui mừng đối với những diệu pháp,  
 Thường xuyên gần gũi thiện tri thức,  
 Tự mình tâm quý và cung kính,  
 Tâm tư mềm mỏng và hài hòa.  
 Thích quán các pháp chẳng chấp trước,  
 Đốc lòng cầu trí tuệ đa văn,  
 Không tham lam đối với lợi dưỡng,  
 Xa rời gian dối và dua nịnh.  
 Không làm bản ngôi nhà Chư Phật,  
 Không phá giới-chê bai Chư Phật,  
 Hết sức vui thích Tát-bà-nhã,  
 Không lay động giống như núi lớn.  
 Thường vui với công hạnh tu tập,  
 Pháp vi diệu càng tiến lên cao,  
 Vui với Pháp xuất thế gian,  
 Không thích những pháp của thế gian.  
 Liền sửa trị cho địa Hoan Hỷ,  
 Khó sửa trị mà sửa trị được,  
 Vì vậy cho nên luôn đốc lòng,  
 Chịu khó thực hành những pháp này.  
 Bồ tát có năng lực thành tựu,  
 Pháp vi diệu vô thượng như vậy,  
 Đó là được an trú vững vàng,  
 Trong địa thứ nhất của Bồ tát.*

Bồ tát dùng hai mươi bảy pháp thanh tịnh này để sửa trị ở địa thứ nhất. Sức mạnh niềm tin càng tăng lên, niềm tin gọi là có những gì thấy

nghe thì nhất định tiếp nhận không nghi ngờ. Càng tăng lên có nghĩa là vô cùng tốt đẹp.

Hỏi: Có hai loại tăng thượng, một là nhiều, hai là tốt đẹp. Nay nói về loại nào?

Đáp: Trong này nói đến cả hai loại. Bồ tát tiến vào địa thứ nhất, đạt được mùi vị của các công đức cho nên sức mạnh của niềm tin càng tăng thêm. Dùng sức mạnh niềm tin này cần nhắc so sánh vô lượng công đức hết sức vi diệu của Chư Phật để tự mình tin nhận, vì vậy tâm này vừa nhiều vừa tốt đẹp. Thực hành tâm Đại bi sâu sắc, thương xót nghĩ đến chúng sinh đến tận cùng xương tủy, cho nên gọi là sâu sắc; vì tất cả chúng sinh mà cầu Phật đạo, cho nên gọi là Đại. Tâm Từ, là thường mong cầu điều lợi ích làm an ổn cho chúng sinh. Tâm Từ có ba loại, sau sẽ nói rộng hơn. Tu dưỡng tâm thiện không mệt mỏi, thiện pháp có nghĩa là được gần gũi tu tập thì có thể mang lại kết quả yêu thích, lúc tu pháp như vậy thì tâm không lười nhác uể oải. Nhân duyên của thiện pháp là bốn nhiếp pháp-mười thiện đạo-sáu Ba-la-mật- mười địa của Bồ tát.. và các công đức. Vui mừng đối với những điều pháp, là thường tư duy tu tập sâu sắc mà đạt được ý vị của pháp, trải qua lâu dài thì sinh ra ưa thích. Như người ở trong vườn hoa thường thức vui sướng với sự yêu thích về sắc tướng của hoa.

Luôn luôn gần gũi thiện tri thức, Bồ tát có bốn hành thiện tri thức, sau sẽ nói rộng hơn. Trong này nói đến thiện tri thức, chính là Chư Phật và Bồ tát. Thường dùng tâm chính đáng để gần gũi luôn luôn làm cho vui vẻ. Tầm quý gọi là thường hết hổ thẹn. Cung kính gọi là nghĩ đến công đức ấy mà tôn trọng đối với người ấy. Miềm mỏng là tâm tư hài hòa vui vẻ cùng chung niềm an vui. Thích quán xét các pháp, pháp là năm ấm-mười hai nhập-mười tám giới-không-vô tướng-vô tác... Dùng tự nhớ nghĩ chính đáng thường xuyên quán xét những pháp này. Không chấp trước, chấp trước là tâm quay về với ba cõi, là nơi quy tụ của chúng sinh. Có người nói: Năm dục và các tà kiến là quay về. Tại vì sao? Bởi vì tâm chúng sinh thường bị trói buộc bởi chấp trước. Tâm trí sắc bén của Bồ tát không còn tham đắm, dốc lòng mong cầu Phật pháp quý trọng chứ tâm không có ý tưởng nào khác. Cầu trí tuệ đa văn, Phật thuyết ra chín bộ kinh, có thể tự mình tìm tòi tu học rõ ràng không có gì ngờ vực, nếu còn thiếu sót thì không thể hoàn thành được. Không ham theo lợi dưỡng, lợi nghĩa là có được các loại ăn uống-tiền bạc của cải..., dưỡng là sự cung kính lễ lạy-sắp đặt giường ghế-đón đến đưa đi thật long trọng. Bồ tát thuận theo đem điều này giúp cho chúng sinh mà

chính mình không tham đắm. Gian dối là sự cân đong sai lệch giả dối, áo quần vật dụng không chân thật. Dua nịnh là tâm không ngay thẳng. Dối gạt là năm cách sinh sống tà vạy:

1. Ra vẻ kỳ lạ.
2. Tự gần gũi thân thiết.
3. Kích động người khác.
4. Đè ép hoặc nâng lên.
5. Dựa vào lợi thế mà cầu lợi.

Làm ra vẻ kỳ lạ, là có người vì tham cầu lợi dưỡng, cho nên có lúc làm người mặc áo vá sống nơi vắng vẻ, hoặc thường khát thực, hoặc ăn một bữa, hoặc thường xuyên ngồi, hoặc sâu bữa trưa không uống nước đặc. Chịu được những hạnh đầu đà như vậy, dấy lên nghĩ rằng: Người khác thực hành như vậy, được cúng dường cung kính, mình thực hành như vậy có lẽ cũng được cúng sinh cung kính. Bởi vì lợi dưỡng cho nên thay đổi oai nghi, đó gọi là làm ra vẻ kỳ lạ.

Tự gần gũi thân thiết, là có người vì tham lợi dưỡng, cho nên đến nhà đàn vật nói chuyện bày tỏ với người ta rằng: Như cha mẹ anh chị em thân thích của tôi không có gì khác, nếu có cần gì thì tôi có thể tự mình giúp cho, muốn làm điều gì thì tôi có thể làm giúp, tôi không ngại gì xa gần mà luôn luôn thăm hỏi, tôi ở nơi này chính là mong giúp nhau mà thôi. Vì mong cầu lợi dưỡng cúng dường, tham đắm theo đàn việt, luôn luôn dùng ngôn từ nói năng để dẫn dắt lòng người, những loại như vậy gọi là tự gần gũi thân thiết.

Kích động người khác, là có người không nghĩ đến lỗi lầm của tham, mong muốn có được tiền bạc của cải, muốn có được những thứ ấy liền tự mình nói như vậy: Cái bát này đẹp, chiếc y này đẹp, cái móc cửa này tốt, tấm tọa cụ này tốt, nếu tôi có được thì luôn luôn sử dụng có ích. Lại nói. Tùy ý có thể cho. Người này khó xin được, lại đến nhà đàn việt nói như vậy: CƠM canh bánh thịt của nhà ông rất thơm ngon, áo quần lại tốt đẹp, thường ngày cúng dường tôi, tôi đã là thân thích trước đây thì nhất định sẽ được chu cấp. Biểu hiện tướng mạo tham lam như vậy, đó gọi là kích động người khác.

Đè ép hoặc nâng lên, là có người vì tham cầu lợi dưỡng cho nên nói với đàn việt rằng: Ông vô cùng keo kiệt tiếc nuối, đối với cha mẹ anh chị em-vợ con thân thích mà hãy còn không thể nào giúp đỡ, thì ai là người có thể nhận được đồ vật của ông? Đàn việt hổ thẹn mà miễn cưỡng bố thí. Lại đến nhà khác nói như vậy: Ông có phước được làm thân người không phải là vô ích, A-la-hán thường vào ra trong nhà ông,

đứng-ngồi trò chuyện cùng với ông. Dấy lên ý nghĩ này mong rằng đàn việt có lẽ sinh ra tâm này: Không có người nào khác ra vào nhà mình! Đàn việt nghĩ như vậy thì nhất định nói là mình, bởi vì mình thường ra vào nhà họ. Đây gọi là đê ép hoặc nâng lên.

Dựa vào lợi thế mà cầu lợi, là người dùng đồ vật giúp đỡ cho cuộc sống như y-bát-tăng già lê hoặc tọa cụ, đem ra chỉ rõ với mọi người rằng: Những bậc vua chúa-quan lại và những người sang trọng khác cho tôi vật này. Dấy lên nghĩ rằng: Đàn việt có người có thể sinh tâm suy nghĩ, các bậc vua chúa-quan lại và những người sang trọng ấy hãy còn có thể tự họ cúng dường, hưởng gì mình mà không cho người này? Dựa vào lợi thế này để mong cầu những lợi ích khác, cho nên gọi là dựa vào lợi thế mà cầu lợi.

Vì vậy cho nên luôn luôn phải xa lìa lỗi lầm của sự đua nịnh lừa dối như vậy.

Không làm bản ngôi nhà Chư Phật, như thế nào là làm bản ngôi nhà Chư Phật? Có người nói: Nếu người phát tâm cầu đạo Vô thượng rồi, sau đó quay về với đạo lý Thanh văn và Bích-chi-Phật, không có năng lực trú giữa thế gian duy trì giòng dõi Tam bảo, đó gọi là làm bản ngôi nhà Chư Phật. Nghĩa này không đúng. Tại vì sao? Bởi vì người này có năng lực vượt qua sinh tử, lại đạt được các căn-lực-giác-đạo vô lậu, cũng là con của Chư Phật, tại sao nói là làm bản ngôi nhà Chư Phật? Như kinh nói: “Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Các ông đều là con Ta, từ tâm Ta sinh ra, từ miệng Ta sinh ra đạt được pháp phần”. Nhưng người Thanh văn nói xứ sở của Đê-xả-Diệt-Tuệ, gọi là nhà của Chư Phật. Tại vì sao? Bởi vì từ bốn sự việc này mà sinh ra Chư Phật. Nếu làm vấy bản bốn pháp này thì gọi là làm bản ngôi nhà Chư Phật. Như vậy, nếu người nào hư vọng-tham keo-cuồng loạn-ngu si, thì người ấy làm bản ngôi nhà của Phật. Nếu thực hành đúng đắn bốn pháp này, thì không làm bản ngôi nhà của Chư Phật.

Có người nói: Sáu pháp Ba-la-mật là ngôi nhà của Chư Phật, bởi vì từ đây sinh ra Chư Phật. Nếu làm trái với sáu pháp này, thì chính là làm bản ngôi nhà của Chư Phật.

Có người nói: Ba-la-mật là mẹ của Chư Phật, phương tiện là người cha, đây gọi là ngôi nhà của Chư Phật, từ hai pháp này sinh ra Chư Phật. Nếu làm trái với hai pháp này thì làm bản ngôi nhà của Chư Phật.

Lại nữa, trong kệ tự nói về tướng vấy bản và không vấy bản, đó gọi là không phá giới và không chê bai Phật. Nếu thọ giới của Phật mà không tự mình giữ gìn thì chính là lừa dối Chư Phật, là làm bản ngôi nhà

của Phật. Tại vì sao? Bởi vì lúc thọ giới là sinh trong nhà của Phật, phá giới thì lừa dối Chư Phật, đó gọi là làm bần ngôi nhà của Phật.

Hỏi: Bồ tát ở phần vị Tát đĩnh có phá giới chăng?

Đáp: Không đoạn trừ phiền não là điều đáng sợ, không bao lâu thì tiến vào phần vị Tát đĩnh, Bồ tát có lúc cũng phá giới. Như trong Đại Thắng pháp Phật nói: “Nan-đà cố tình phá giới, Ta nói điều này hãy còn là đáng sợ”. Nhưng bởi vì trong kinh có nói điều này, tin lời Phật dạy cho nên tâm tin nhận thật sự. Nếu thọ giới mà không phá giới-không lừa dối Chư Phật, thì gọi là không làm bần ngôi nhà của Phật. Lại nữa, giới gọi là Tam học, đó là Giới học-Tâm học-Tuệ học. Phá hủy Tam học này thì gọi là làm bần ngôi nhà của Phật. Thọ giới đúng như pháp mà sau đó phá hủy thì gọi là lừa dối Đức Phật. Hai câu như vậy đều có nghĩa riêng biệt.

Lừa dối Đức Phật, là tự mình phát nguyện suông chứ không thực hành đúng như giáo thuyết, lừa dối chúng sinh thì gọi là lừa dối Đức Phật. Lại nữa, trong tất cả các pháp không thực hành đúng như giáo thuyết, đó gọi là lừa dối Đức Phật. An trú kiên cố bất động trong trí Tát-bà-nhã giống như núi lớn, là các loại nhân duyên của Bồ tát này phát nguyện đều mong cầu đạt được trí Tát-bà-nhã, thậm chí khổ đau của Đại địa ngục cũng không làm cho tâm thay đổi, giống như núi chúa Tu di không hề lay động trước phong ba bão tố.

Thường tu tập pháp tiến lên cao, là từ lúc mới phát tâm thường cầu tìm pháp thù thắng, tiến vào trong địa thứ nhất lại tu tập pháp cao hơn, như vậy lần lượt trải qua mà tâm không hề chán đủ. Vui với pháp xuất thế gian chứ không thích gì pháp thế gian, pháp thế gian có nghĩa là tùy thuận sự việc của thế gian tăng thêm nhiều sinh tử, sáu đường-ba cõi-năm ấm-mười hai nhập-mười tám giới-mười hai nhân duyên và các phiền não-nghiệp hữu lậu... Pháp xuất thế gian có nghĩa là tùy theo pháp mà sử dụng có năng lực vượt ra ngoài ba cõi, đó là năm căn-năm lực-bảy giác-tám đạo-bốn niệm xứ-bốn chánh cần-bốn như ý túc, không-Vô tướng-vô tác giải thoát môn, giới luật nghi-địa văn, vô tham-sân-si, thiện căn-chán ngăn lìa xa-tâm không phóng dật... Vốn là Bồ tát thuộc hàng lợi căn, cho nên không thích gì pháp hư vọng của thế gian, mà chỉ vui với pháp chân thật xuất thế gian, chính là sửa trị trong địa Hoan hỷ.

Điều khó sửa trị mà có năng lực sửa trị, sửa trị có nghĩa là thông suốt không có gì ngăn ngại, như người chẻ tre thì đốt đầu tiên là khó chẻ nhưng các đốt còn lại thì đều dễ dàng. Điều khó sửa trị của địa thứ

nhất đã được sửa trị, thì những gì còn lại đều tự nhiên dễ dàng. Tại vì sao? Bởi vì Bồ tát ở địa thứ nhất, thế lực chưa đủ-thiện căn chưa sâu, thiện pháp tu tập chưa bao lâu, các căn nhãn-nhĩ... hãy còn thuận theo các trần, tâm chưa điều phục hoàn toàn, do đó các phiền não hãy còn có thể gây ra tai họa. Như người không đủ thế lực mà đi ngược dòng nước thì rất khó khăn. Lại trong địa này, ma và quân ma gây ra nhiều chướng ngại, cho nên dùng sức phương tiện chịu khó thực hành tinh tiến, vì vậy địa này gọi là Nan trị.

Như vậy sức mạnh của niềm tin càng tăng lên cao trở thành đứng đầu, không thích gì pháp thế gian chỉ là hàng sau. Tu tập hai mươi bảy pháp này, sửa trị địa Hoan hỷ thứ nhất của Bồ tát, vì vậy nói là Bồ tát luôn luôn cần phải tu hành pháp này. Tu hành có nghĩa là một lòng không phóng túng, thường thực hành-thường quán sát loại trừ các lỗi lầm tai hại, cho nên gọi là sửa trị. Như người đang đi trên đường dọn dẹp làm cho sạch sẽ. Các pháp này không những tu sửa địa thứ nhất, mà tất cả các địa đều dùng đến pháp này.

Hỏi: Ông đã nói địa thứ nhất đạt được phương tiện và pháp sửa trị thanh tịnh, Bồ tát an trú như thế nào mà không thối thất?

Đáp: Thường thực hành thành tựu. Sức mạnh của niềm tin như vậy càng tăng lên cao cùng với các pháp, đó gọi là địa thứ nhất an trú. Bồ đề gọi là đạo Vô thượng, Tát-đỏa gọi là tâm sâu xa. Hết sức vui với Bồ tát cho nên gọi là Bồ-đề Tát-đỏa. Lại nữa, chúng sinh gọi là Tát-đỏa, vì chúng sinh mà tu tập Bồ-đề cho nên gọi là Bồ-đề Tát-đỏa. Thượng pháp là các pháp như Tín... có năng lực làm cho tiến vào thành tựu Phật đạo, cho nên gọi là Thượng pháp.

-----



*Phẩm 5: THÍCH NGUYỆN, Phần 1*

Đã nói về phương tiện tiến vào địa thứ nhất và pháp sửa trị thanh tịnh, Bồ tát nhờ vào nguyện cho nên được tiến vào các địa, lại thành tựu sức mạnh của niềm tin tăng lên thêm những công đức cho nên an trú trong địa ấy. Nay sẽ phân biệt về nguyện này.

*Nguyện cúng dường cung cấp dâng lên,  
Cung kính với hết thảy Chư Phật,  
Nguyện đều duy trì và bảo vệ,  
Tất cả các pháp của Chư Phật.*

Đây là nguyện ban đầu của các Bồ tát. Từ lúc mới phát tâm cho đến lúc đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ở trong thời gian ấy dốc lòng hướng về cúng dường cung cấp dâng lên một cách cung kính đối với hết thảy Chư Phật. Cúng dường có nghĩa là các loại phẩm vật như hương hoa-chuỗi ngọc-cờ phướn-lọng tàn-đèn nến-xây dựng chùa tháp... Cung cấp dâng lên có nghĩa là lạy tôn trọng-đón đến đưa đi, chấp tay đứng hầu. Lại nữa, dùng pháp Tiểu thừa giáo hóa chúng sinh thì gọi là cúng dường. Dùng pháp Bích-chi-Phật giáo hóa chúng sinh thì gọi là cung cấp dâng lên. Dùng pháp Đại thừa giáo hóa chúng sinh thì gọi là cung kính. Đây là nguyện thứ nhất. Hộ trì tất cả các pháp của Chư Phật, Bồ tát dấy lên ý niệm này: Tất cả các pháp của Chư Phật ba đời mười phương trong quá khứ-vị lai-hiện tại thì mình cần phải bảo vệ.

Hỏi: Chư Phật quá khứ đã diệt thì pháp cũng diệt theo, Chư Phật vị lai chưa xuất hiện thì pháp cũng chưa có, vẫn còn không có lần đầu chuyển pháp luân, huống là có pháp nào khác, làm sao có được để bảo vệ? Đích thực có thể bảo vệ pháp của Chư Phật hiện tại, bởi vì Chư Phật đang trong thời hiện tại.

Đáp: Pháp của Chư Phật quá khứ-vị lai-hiện tại, đều là cùng một thể-cùng một tướng, vì vậy nếu bảo vệ pháp của một vị Phật, thì chính là bảo vệ pháp của Chư Phật ba đời. Như trong kinh nói: “Đức Phật bảo với các Tỷ kheo: Pháp xuất gia thọ giới-khoác y ôm bát-thiền định trí tuệ-thuyết pháp giáo hóa của Đức Phật Tỳ Bà Thi cũng giống như Ta vậy”. Vì vậy ông chất vấn không đúng. Đây là nguyện thứ hai. Lại nữa:

*Chư Phật từ cung trời Đâu-suất,  
Lùi lại đi đến ở thế gian,  
Cho đến lúc giáo hóa hoàn tất,*

*Vĩnh viễn vào cảnh giới vô dư,  
 Ở trong thai đến lúc sinh ra,  
 Xuất gia tìm đến chốn đạo tràng,  
 Hàng phục ma quân thành Phật đạo,  
 Bắt đầu chuyển pháp luân vi diệu.  
 Tôn kính đón tiếp các Như Lai,  
 Và ở trong những thời gian khác,  
 Nguyện tôi chắc chắn sẽ đạt được,  
 Đốc hết tâm thành mà cúng dường.*

Chư Phật bắt đầu từ trên cõi trời Đâu-suất lùi lại xuống dưới thế gian, cuối cùng đến vô dư Niết-bàn. Ở trong thời gian ấy, lúc tiến vào trong thai thì thiết lễ cúng dường tôn trọng, cho đến lúc sinh ra và xuất gia tìm đến chốn đạo tràng, hàng phục Ma vương-thành tựu Phật đạo-chuyển pháp luân vi diệu-tôn kính đón tiếp Như Lai. Trong thời gian khác, là hiện bày nhiều thần thông, quy tập vô lượng trời người, cứu độ tất cả chúng sinh. Lúc bấy giờ nên dùng hoa hương-cờ phướn-lọng tàn-kỷ nhạc ca tụng tán thán, xuất gia thọ pháp tu hành đúng như giáo thuyết, dùng vật phẩm cúng dường bậc nhất để cúng dường Chư Phật. Đây là nguyện thứ ba. Lại nữa:

*Nguyện giáo hóa tất cả chúng sinh  
 Khiến cho đều tiến vào các đạo.*

Giáo có nghĩa là dùng thiện pháp để giáo hóa người khác, hóa có nghĩa là làm cho xa lìa ác pháp. Mình nên dùng hai pháp này khiến cho vô lượng A-tăng-kỳ chúng sinh, trú trong đạo Thanh văn và Bích-chi-Phật. Đây là nguyện thứ tư. Lại nữa:

*Nguyện cho tất cả các chúng sinh,  
 Thành tựu quả vị Bồ đề Phật,  
 Có người hướng về đạo Thanh văn,  
 Đạo Bích-chi-Phật đều thành tựu.*

Người này tu tập pháp của Thanh văn và Bích-chi-Phật chưa tiến vào phần vị của pháp, mình nên giáo hóa khiến cho hướng về Phật đạo. Có người không hướng về Thanh văn và Bích-chi-Phật, mình nên giáo hóa khiến cho hướng về Phật đạo Vô thượng. Có người hướng về Phật đạo vô thượng, mình nên chỉ bày rõ ràng lợi ích hoan hỷ làm cho công đức ấy càng tăng thêm nhiều hơn. Giáo hóa tất cả chúng sinh như vậy, đây là nguyện thứ năm. Lại nữa:

*Nguyện khiến cho tất cả các pháp,  
 Tin hiểu được tiến vào bình đẳng.*

Tất cả các pháp là bao gồm hết thấy các pháp. Pháp vượt qua và pháp không phải vượt qua. Pháp thâm nhiếp giác ý và pháp không phải thâm nhiếp giác ý. Pháp trợ đạo và không pháp không phải trợ đạo. Pháp thuộc về Thánh đạo và pháp không phải thuộc về Thánh đạo. Pháp nên tu và pháp không nên tu. Pháp nên gần và pháp không nên gần. Pháp nên sinh và pháp không phải hiện tại. Pháp nhân duyên sinh và pháp không phải nhân duyên sinh. Pháp nhân duyên và pháp không phải nhân duyên. Pháp từ từ duy sinh và pháp không từ từ duy sinh. Pháp thô và pháp tế. Pháp thọ và pháp không thọ. Pháp nội và pháp ngoại. Pháp thuộc về nội nhập và pháp không phải thuộc về nội nhập. Pháp thuộc về ngoại nhập và pháp không phải thuộc về ngoại nhập. Pháp thuộc về năm ấm và pháp không phải thuộc về năm ấm. Pháp thuộc về năm thọ ấm và pháp không thuộc về năm thọ ấm. Pháp thuộc về bốn đế và pháp không thuộc về bốn đế. Pháp trợ thế gian và pháp không trợ thế gian. Pháp dựa vào tham và pháp dựa vào xuất ly. Pháp điên đảo và pháp không điên đảo. Pháp biến hoại và pháp không biến hoại. Pháp hối hận và pháp không hối hận. Pháp Đại thừa và pháp Tiểu thừa. Pháp thọ xứ và pháp không thọ xứ. Pháp đáng đoạn và pháp không đáng đoạn. Pháp thấy biết và pháp không biết.

Pháp hữu lậu và pháp vô lậu. Pháp có hệ thuộc và pháp không có hệ thuộc. Pháp có thanh tịnh và pháp không có thanh tịnh. Pháp có hơn và pháp không có cao hơn. Pháp có giác và pháp không có giác. Pháp có quán và pháp không có quán. Pháp đáng hoan hỷ và pháp không đáng hoan hỷ. Pháp tương ứng và pháp không tương ứng. Pháp có phân biệt và pháp không có phân biệt. Pháp hành và pháp không có hành. Pháp có duyên và pháp không có duyên. Pháp có thứ tự và pháp không có thứ tự. Pháp có thể thấy và pháp không thể thấy. Pháp có tướng và pháp không có tướng. Pháp có thể thực hành và pháp không thể thực hành.

Pháp hữu vi và pháp vô vi. Pháp nguy hiểm và pháp không nguy hiểm. Pháp có gốc và pháp không có gốc. Pháp có vượt ra và pháp không có vượt ra. Pháp chúng sinh và pháp không phải chúng sinh. Pháp khổ và pháp không phải khổ. Pháp não hại và pháp không phải não hại. Pháp có và pháp không phải là có. Pháp nghịch và pháp không nghịch. Pháp cảm báo vui và pháp không cảm báo vui. Pháp cảm báo khổ và pháp không cảm báo khổ. Pháp nhớ mà sinh và pháp không phải nhớ mà sinh. Pháp trí tuệ làm đầu và pháp không phải trí tuệ làm đầu. Pháp lấy tín làm đầu và pháp không phải lấy tín làm đầu. Pháp lấy tư

duy làm đầu và pháp không phải lấy tư duy làm đầu. Pháp lấy nguyện làm đầu và pháp không phải lấy nguyện làm đầu. Pháp sắc và pháp không phải sắc. Pháp giáo và pháp không phải giáo.

Pháp biến hóa và pháp không phải biến hóa. Pháp như ý du hành và pháp không phải như ý du hành. Pháp gốc rễ ham muốn và pháp không phải gốc rễ ham muốn. Pháp nhân của thiện và pháp không phải nhân của thiện. Pháp nhân của thiện căn và pháp không phải nhân của thiện căn. Pháp định và pháp không phải định. Pháp thân và pháp không phải thân. Pháp miệng và pháp không phải miệng. Pháp ý và pháp không phải ý. Pháp có đối đãi xúc chạm sinh ra pháp không có đối đãi xúc chạm sinh ra. Pháp do ý xúc sinh ra và pháp không do ý xúc sinh ra. Pháp ác và pháp không phải là ác. Pháp thiện và pháp không phải là thiện. Pháp tự mình sinh ra và pháp không phải tự mình sinh ra. Pháp niệm niệm diệt đi và pháp không phải niệm niệm diệt đi. Pháp nhiếp tụ và pháp không phải nhiếp tụ. Pháp phân chia rõ ràng và pháp không phải phân chia rõ ràng. Pháp là nhân và pháp không phải là nhân. Pháp là duyên và pháp không phải là duyên. Pháp nhân duyên và pháp không phải nhân duyên. Pháp do nhân mà sinh và pháp không phải do nhân mà sinh. Pháp có nhân và pháp không phải có nhân.

Pháp như nhau và pháp khác nhau. Pháp diệt và pháp không phải diệt. Pháp thâm nhiếp căn và pháp không phải thâm nhiếp căn. Pháp cùng tâm và pháp không phải cùng tâm. Pháp tâm và pháp không phải tâm. Pháp tâm sở và pháp không phải tâm sở. Pháp do năm căn cùng tiếp xúc và pháp không phải do năm căn cùng tiếp xúc. Pháp cùng đạt được mười sáu loại và pháp không phải cùng đạt được mười sáu loại. Pháp tế và pháp thô. Pháp hồi hướng và pháp không phải hồi hướng. Pháp thiện và pháp bất thiện. Pháp vô ký. Pháp do kiến đế mà đoạn. Pháp do tư duy mà đoạn. Pháp không đoạn pháp học và pháp vô học. Pháp phi học phi vô học...

Vô lượng ngàn vạn loại các pháp đều làm cho tiến vào trong phạm vi không-vô tướng-vô tác bình đẳng không có gì sai khác, vốn là nhờ vào năng lực của niềm tin và sự hiểu biết. Đây là nguyện thứ sáu.

\* \* \* \* \*